

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2023/DS-ST
Ngày: 08-11-2023
V/v tranh chấp quyền sử
dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Văn Tâm;

Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 126/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Kim A, sinh năm 1957; địa chỉ: số 159, tổ 3, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954; địa chỉ: số 160, tổ 3, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1985; địa chỉ: số 159, tổ 3, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1995; địa chỉ: số 159, tổ 3, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1953; địa chỉ: tổ 4, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/4/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Kim A trình bày: Năm 1975 bà A có khai phá phần diện tích đất 12.732m² tại thửa đất số 454, 610, 611, 615, 616, 618, tờ bản đồ số 10, thửa 78, 93 tờ bản đồ số 7 tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên (nay là phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên), tỉnh Bình Dương và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01234 QSDĐ/TU ngày 17/5/1999, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không qua đo đạc thực tế. Đối với thửa đất 78 có diện tích 4.516 m² có tứ cận như sau: hướng Bắc giáp thửa đất số 1392 của bà Thanh và thửa đất 110, 79 của ông Nguyễn Văn N; hướng Nam giáp các thửa đất 119, 132, 1333, 1439, 1440; hướng Đông giáp thửa đất 79 của ông Nguyễn Văn N; hướng Tây giáp đường nhựa. Hiện nay, trên thửa đất 78, có bà Phạm Kim A, ông Lê Hoàng T, ông Lê Hoàng P (là các con của bà A) cùng sinh sống trên đất.

Năm 1997, bà A có trồng tràm trên toàn bộ thửa đất 78, phần đất của bà T trồng cao su (nay bà T chuyển đổi sang trồng cây mít), phần đất của bà A và bà T được phân định rõ ràng do trồng hai loại cây khác nhau. Năm 2017, bà A thanh lý cây tràm trên thửa đất 78, tại phần đất giáp ranh với thửa đất 1392 bà A có để lại 07 cây tràm và 02 bụi tầm vòng làm ranh đất nhưng sau đó bà T chặt 07 cây tràm của bà A và làm hàng rào lưới B40 lấn chiếm qua đất của bà A nên phát sinh tranh chấp.

Năm 2017, bà A đã khởi kiện bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn N tại Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên. Ngày 28/5/2019, giữa bà A và ông N đã thỏa thuận được cách giải quyết vụ án theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2019/QĐST-DS ngày 28/5/2019. Đối với phần đất tranh chấp với bà T, bà A đã rút đơn khởi kiện để hai bên tự thương lượng với nhau. Tuy nhiên, đến nay bà T vẫn không đồng ý trả phần đất đã lấn chiếm nên bà A tiếp tục khởi kiện. Sau khi có quyết định công nhận thỏa thuận của Tòa án nêu trên bà A chưa đề nghị cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình.

Năm 2020, nhà nước thu hồi một phần diện tích đất thuộc thửa 78 tờ bản đồ số 7 của bà A để làm đường nhựa (trước đây là đường đất đỏ), khi thu hồi đất để làm đường có đo đạc thực tế phần diện tích đất bị thu hồi, bà A là người chỉ dẫn đo đạc. Sau khi thực hiện các thủ tục, bà A đã được nhận số tiền bồi thường là 293.495.100 đồng tại Trung Tâm phát triển quỹ đất thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Năm 2022, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cũ, bị rách và cần gia hạn quyền sử dụng đất, thay đổi địa chỉ của người sử dụng đất nên bà A đã làm thủ tục đăng ký biến động, xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 78 tờ bản đồ số 7. Ngày 17/01/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS13965 cho bà Phạm Kim A, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đo đạc thực tế thửa đất 78 hay không thì bà A không biết.

Bà A thống nhất Mạnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý số 04-2023 ngày 09/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố Tân Uyên); thống nhất kết quả định giá ngày 03/8/2023, không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Phạm Kim A yêu cầu bà Phạm Thị T phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 + trụ xi măng và trả diện tích đất theo đo đạc thực tế là 46,9m² (trong đó có 14,7m² thuộc hành lang an toàn đường bộ) thuộc thửa đất 78 tờ bản đồ số 7 tại phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và trả số tiền 10.000.000 đồng do bà Thanh chặt 07 cây tràm.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị T trình bày: Khoảng năm 1997-1998, bà Phạm Thị T có nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất của bà Bùi Thị L. Thời điểm nhận chuyển nhượng đất, khu đất nhận chuyển nhượng đã trồng cao su nhỏ, phần đất của bà A lúc đó là đất rừng, không có ranh đất nhưng khi nhận chuyển nhượng đất bà Thanh có chôn trụ bê tông để làm ranh giới, hiện nay phần ranh đất cạnh hướng Đông vẫn còn phần sắt của trụ bê tông, tại hướng Tây do làm đường nên đã ủi mất trụ bê tông nhưng ranh đất vẫn như hàng rào đã thể hiện tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2022 (tài liệu trong hồ sơ vụ án bà A tranh chấp với bà T, ông N vào năm 2017).

Ngày 18/6/2007, bà Phạm Thị T được UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 01665 đối với thửa đất số 905 tờ bản đồ số 7 (nay là thửa đất 1392 tờ bản đồ số 7), khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T không biết cơ quan chuyên môn có tiến hành đo đạc thực tế hay không.

Khi nhận chuyển nhượng, đất của bà T đã trồng cao su sẵn trên đất, do cây cao su giáp ranh với phần đất của bà A chết nên bà T có trồng 07 cây tràm và 02 bụi tầm vông trên phần đất của bà T, không phải là ranh đất như lời trình bày của bà A. Năm 2017, bà T thanh lý cây cao su và cưa 07 cây tràm để trồng mít trên đất, do cây mít còn nhỏ bị bò vào ăn nên bà T rào phần đất của mình lại, bà A không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Năm 2017, bà A khởi kiện bà T và ông N tranh chấp quyền sử dụng đất tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên. Sau đó, bà A rút đơn khởi kiện đối với phần đất tranh chấp với bà T, bà T không biết lý do vì sao bà A rút đơn. Từ khi bà A rút đơn tranh chấp đến nay, hiện trạng đất của bà T và bà A vẫn không thay đổi.

Năm 2020, nhà nước có thu hồi diện tích đất 149,5m² thuộc thửa đất 1392 theo Quyết định số 6304/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên để thực hiện công trình Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐH 423. Khi nhà nước thu hồi đất có đo đạc thực tế phần đất bị thu hồi, bà T chỉ dẫn đo đạc phần diện tích đất thuộc thửa 1392. Sau khi thực hiện các thủ tục, bà T đã được nhận số tiền bồi thường là 404.019.500 đồng tại Trung Tâm phát triển quỹ đất thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên.

Bà T thông nhất Mạnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý số 04-2023 ngày 09/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố Tân Uyên); thống nhất kết quả định giá ngày 03/8/2023, không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Phạm Thị T không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng T, Lê Hoàng P trình bày: Trước đây ông T và ông T sống chung với mẹ là bà Phạm Kim A trên thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7. Nguồn gốc đất do bà A khai hoang, ông T và ông P không có công sức đóng góp gì đối với quyền sử dụng đất cấp cho bà Phạm Kim A, không có ý kiến, tranh chấp gì trong vụ án này.

Người làm chứng bà Bùi Thị L trình bày: Bà L là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T 2,5 sào đất nhưng do thời gian đã lâu nên không nhớ chuyển nhượng năm nào. Khi chuyển nhượng là đất rừng, cây cối rậm rạp nên không xác định được ranh giới giữa đất bà A và bà T có đúng với ranh ngày xưa chuyển nhượng hay không. Thời điểm bà L chuyển nhượng đất đã có sẵn cây cao su nhỏ do bà L trồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Kim A yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị T tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40, trụ bê tông để trả lại phần đất diện tích 46,9m² thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7, tại phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào Điều 203 luật Đất đai, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì mới; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về diện tích đất tranh chấp: Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2022; Mảnh trích lục địa chính số 04-2023 ngày 09/02/2023 xác định diện tích tranh chấp là 46,9m², trong đó có 14.7m² CLN thuộc HLATĐB. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải di dời lưới B40 và trụ bê tông trả lại cho nguyên đơn diện tích 46,9m² (theo kết quả đo đạc thực tế) và bồi thường giá trị 07 cây tràm là 10.000.000 đồng.

[3.2] Nguồn gốc: Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 được UBND huyện Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01234 QSDĐ/TU do UBND huyện Tân Uyên cấp ngày 17/5/1999 cho bà Phạm Kim A, nguồn gốc khai hoang trước năm 1975 và bà A đã làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS13965 ngày 17/01/2022; thửa đất số 905 (nay là 1932), được UBND huyện Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01665 ngày 18/6/2007 cho bà Phạm Thị T, nguồn gốc do bà T nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị L.

Công văn số 1147/CNTU-ĐK của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tân Uyên cung cấp về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01234 QSDĐ/TU do UBND huyện Tân Uyên cấp ngày 17/5/1999 cho bà Phạm Kim A là được cấp trên cơ sở bản đồ địa chính không có đo đạc diện tích thực tế đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7.

Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Tân Uyên cung cấp: Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Kim A theo trình tự thủ tục kê khai đăng ký ban đầu, lập hồ sơ địa chính và xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng loạt trên địa bàn xã, trên cơ sở đã có bản đồ địa chính có tọa độ quy định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn việc kê khai đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không qua đo đạc thực tế, không ký giáp ranh với các chủ đất liền kề; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01665 cấp cho bà Phạm Thị T ngày 18/6/2007 được thực hiện theo quy định tại Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định về thi hành luật đất đai, khi cấp không qua đo đạc thực tế, không ký giáp ranh với các chủ đất liền kề, nguồn gốc do bà Phạm Thị T kê khai được Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình (nay là phường Tân Hiệp) xác nhận là nhận chuyển nhượng năm 1999, trong hồ sơ không thể hiện giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất kèm theo.

Theo Quyết định cung cấp chứng cứ số 20/2023/QĐCCCC ngày 03/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên thì Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Tân Uyên cung cấp hồ sơ bồi thường Công trình nâng cấp, mở rộng tuyến đường DH.423 (đoạn đường từ ngã tư đường DH 409 đến giáp đường ĐT 747a) tại phường Hội Nghĩa và phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; theo Quyết định số 6297/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên, diện tích thu hồi 78,8m² đất của bà Phạm Kim A,

thuộc một phần thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 tại phường Tân Hiệp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01234 QSDĐ/TU do UBND huyện Tân Uyên cấp ngày 17/5/1999 cho bà Phạm Kim A; Quyết định số 6304/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên, diện tích thu hồi 149,5m² đất của bà Phạm Thị T, thuộc một phần thửa đất số 1392, tờ bản đồ số 7 tại phường Tân Hiệp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01665 do UBND huyện Tân Uyên cấp ngày 18/6/2007 cho bà Phạm Thị T.

[3.3] Năm 2017, bà Phạm Kim A khởi kiện bà Phạm Thị T yêu cầu trả lại diện tích khoảng 60m² thuộc thửa 1932, tờ bản đồ số 7 và ông Nguyễn Văn Nghĩa đối với diện tích 105,3m² thuộc thửa 110, tờ bản đồ số 7 theo vụ án thụ lý số 235/2017/TLST-DS ngày 18/10/2017. Tuy nhiên, bà Anh rút yêu cầu đối với phần tranh chấp với bà Thanh, phần tranh chấp với ông Nghĩa do hai bên thỏa thuận được với nhau nên Tòa án đã ban hành Quyết định công nhận thỏa thuận số 10/2019/QĐST-DS ngày 28/5/2019, ông Nghĩa đồng ý trả lại cho bà A diện tích 105,3m². Hiện nay bà A chưa yêu cầu cập nhật lại diện tích đất theo Quyết định nêu trên.

[3.4] Ngày 02/8/2023 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tân Uyên cung cấp bà A chưa thực hiện đăng ký biến động đối với thửa đất 78, tờ bản đồ số 7 theo Quyết định số 10/2019/QĐST-DS ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên.

[3.5] Đối với diện tích đất cấp cho nguyên đơn bà Phạm Kim A: Ngày 17/5/1999, bà A được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01234 QSDĐ/TU với diện tích 12.732m² gồm các thửa 154, 610, 611, 615, 616, 618, 78 và 93, trong đó diện tích thửa 78 là 4.516m²; ngày 06/3/2003 bà A chuyển nhượng cho ông Lê Văn M diện tích 839m², diện tích còn lại 11.893m² (trong đó thửa 78 là 3.677m²); ngày 13/3/2006, bà Thanh chuyển nhượng cho ông Lê Văn D diện tích 179m²; chuyển nhượng cho ông Lê Anh Đ 154m²; chuyển nhượng cho bà Lê Thị T 145m², diện tích còn lại 11.415m² (trong đó thửa 78 còn 3.199m²); Ngày 29/12/2020, Ủy ban thị xã Tân Uyên thu hồi diện tích 78,7m² thuộc dự án Công trình nâng cấp, mở rộng tuyến đường DH.423. Diện tích còn lại là 3.120,3m². Theo kết quả đo đạc thực tế diện tích thửa 78 là 2.948,5m², cộng với diện tích 105,3 m² thì tổng diện tích là 3.053,8m² (giảm 66,5m²).

[3.6] Đối với diện tích cấp cho bị đơn bà Phạm Thị T: Ngày 18/6/2007, bà Phạm Thị T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 02161, diện tích 2.376m²; năm 2017 bà T chuyển nhượng cho bà Phạm Thị L diện tích 372,9m², còn lại 2003,1m²; Ngày 29/12/2020, Ủy ban thị xã Tân Uyên thu hồi diện tích 149,5 m² thuộc dự án Công trình nâng cấp, mở rộng tuyến đường DH.423. Diện tích còn lại là 1853,6m². Theo kết quả đo đạc thực tế diện tích thửa 905 là 1766,9m² (giảm 86,7m²).

Như vậy diện tích đo đạc thực tế của nguyên đơn và bị đơn đều thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

[3.7] Biên bản hòa giải ngày 09/6/2017 của Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp xác định bà Phạm Thị T sử dụng đất ổn định, đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp từ trước cho đến nay. Hơn nữa, tại thời điểm đo đạc

để thực hiện Công trình nâng cấp, mở rộng tuyến đường DH.423, bà Anh thống nhất ranh đất để nhận bồi thường là hàng rào lưới B40, trụ bê tông như hiện nay.

Như vậy, theo như phân tích như trên, nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn chiếm đất và yêu cầu bị đơn tháo dỡ hàng rào lưới B40 + trụ xi măng và trả diện tích đất theo đo đạc thực tế là 46,9m² (trong đó có 14,7m² thuộc hành lang an toàn đường bộ) thuộc thửa đất 78 tờ bản đồ số 7 tại phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và trả số tiền 10.000.000 đồng do bà Thanh chặt 07 cây tràm là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên về việc giải quyết vụ án phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng:

[5.1] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ.

[5.2] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí, tuy nhiên nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên nguyên đơn được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166, 174, 175, 176, 186, 246 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 170, 171 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Kim A về việc yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị T tháo dỡ hàng rào lưới B40 + trụ xi măng và trả diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 46,9m², trong đó có 14,7m² thuộc hành lang an toàn đường bộ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) thuộc thửa đất 78 tờ bản đồ số 7 tại phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và trả số tiền 10.000.000 đồng do bà T chặt 07 cây tràm.

2. Về chi phí tố tụng:

3.1. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Phạm Kim A phải nộp số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, bà A đã nộp đủ số tiền này.

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Kim A không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Lài